TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày: 27-8-2020
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản bằng tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Khanh;
Ông Nguyễn Thanh Thuần.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Quỹ tín dụng nhân dân N. Địa chỉ trụ sở: 379- QL91, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A. *Đại diện theo pháp luật*: Ông Trần Thanh H – Chủ tịch Hội đồng quản trị. *Đại diện theo ủy quyền*: Ông Đỗ Kiến P – Phó giám đốc theo giấy ủy quyền số 01/UQ-QTD ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1978, cùng cư trú: khóm X, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện Quỹ tín dụng nhân dân N trình bày:

Ngày 27/10/2016 ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ H cùng ký hợp đồng tín dụng số 1460CNN16 tại Quỹ tín dụng nhân dân N (sau đây gọi tắt

là Quỹ tín dụng), số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 13 thàng (từ ngày 27/10/2016 hạn trả 27/11/2017), lãi suất: 18%/năm, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay: chăn nuôi bò, phương thức trả nợ: trả 01 lần vốn, lãi khi đến hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: theo hợp đồng thế chấp số 1460CNN16 ngày 27/10/2016 ông H và bà H thống nhất thế chấp tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01423 QSDĐ/gK cấp ngày 20/11/1998 có diện tích 11.232 m^2, mục đích sử dụng lâu năm khác (LNK), số tờ bản đồ 03, số thửa 2251; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01549 QSDĐ/gK cấp ngày 28/09/1999 có diện tích 5.625 m^2, mục đích sử dụng 1LN, số tờ bản đồ 03, số thửa 674, 743, 744, 884, 885 đều đứng tên Nguyễn Văn H, cùng tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh A được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T ngày 27/10/2016 tại trang 4. Trong quá trình vay ông H, bà H không thanh toán nợ khi đến hạn, còn nợ lại số tiền vốn, lãi là 21.796.900 đồng, trong đó: Vốn là 12.551.900 đồng; tiền lãi 9.194.995 (tính từ ngày 13/11/2018 đến ngày xét xử 27/8/2020).

Quỹ tín dụng yêu cầu ông H, bà H trả số tiền vốn, lãi là 21.796.900 đồng và duy trì hợp đồng thế chấp, đồng thời tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Về chi phí tố tụng: Quỹ tín dụng đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 500.000 đồng, nếu yêu cầu được chấp nhận thì bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ H đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng về nghĩa vụ có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hợp đồng tín dụng, thế chấp số 1460CNN16 ngày 27/10/2016 giữa Quỹ tín dụng với ông H, bà H trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận không trái pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Do ông H, bà H vi phạm nghĩa vụ nên Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu trả vốn còn lại 12.551.900 đồng và lãi 9.195.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 BLDS và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H, bà H có nghĩa vụ trả

cho Quỹ tín dụng tiền vay vốn lãi 21.746.900 đồng, tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập:* Biên bản xem xét thẩm định ngày 24/7/2020; biên bản xác minh ngày 19/6/2020.

- *Tại phiên tòa hôm nay*:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Mỹ H có nơi cư trú tại khóm X, thị trấn N, huyện T, tỉnh A. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Mỹ H được triệu tập lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Quỹ tín dụng nhân dân N ký Hợp đồng tín dụng cho ông H, bà H vay tiền với mục đích là chăn nuôi bò nhằm nhu cầu sinh hoạt gia đình. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền theo quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng vay: Xét hợp đồng tín dụng số 1460CNN16 ngày 27/10/2016 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về nội dung và hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 11 và Điều 13 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước *"Về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng"* và lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở công nhận hợp đồng này là hợp pháp.

[2.2] Về biện pháp giao dịch bảo đảm: Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1460CNN16 ngày 27/10/2016 giữa Quỹ tín dụng với ông H, bà H được xác lập trên cơ sở đã tự nguyện, tự thỏa thuận, là thế chấp tài sản gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01423 QSDĐ/gK cấp ngày 20/11/1998 có diện tích 11.232 m^2, mục đích sử dụng lâu năm khác (LNK), số tờ bản đồ 03, số thửa 2251; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01549

QSDĐ/gK cấp ngày 28/09/1999 có diện tích 5.625 m^2, mục đích sử dụng 1LN, số tờ bản đồ 03, số thửa 674, 743, 744, 884, 885 đều đứng tên Nguyễn Văn H, cùng tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh A đã được đăng ký thế chấp có sự xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T ngày 27/10/2016 tại trang 4, là hợp pháp và phù hợp quy định tại điều 323 Bộ luật dân sự 2005. Hiện tài sản này không có vật kiến trúc, nhưng được trồng hoa màu mì và ngô... theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo bảng kê tính lãi do đại diện Quỹ tín dụng xuất trình tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Mỹ H còn nợ tổng cộng số tiền là 21.796.900 đồng, trong đó: Vốn là 12.551.900 đồng; tiền lãi 9.194.995 (tính từ ngày 13/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2020). Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông H, bà H vắng mặt nên xác nhận số nợ theo như trình bày của nguyên đơn.

Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các khoản chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 500.000 đồng. Do yêu cầu được chấp nhận nên bị đơn phải chịu, Quỹ tín dụng đã tạm ứng nên ông H, bà H có trách nhiệm hoàn trả lại.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, 157, 158, 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 317, 319, 463, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân N đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Mỹ H.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân N, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi: 21.746.900đ *(hai mươi mốt triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, chín trăm đồng)*; trong đó nợ vốn: 12.551.900đ *(mười hai triệu, năm trăm năm mốt ngàn, chín trăm đồng)* và tiền lãi: 9.194.995đ *(chín triệu, một trăm chín mươi bốn ngàn, chín chín năm đồng)* tính từ ngày 13/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2020).

2. Xử lý tài sản thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01423 QSDĐ/gK cấp ngày 20/11/1998 có diện tích 11.232 m^2, mục đích sử dụng lâu năm khác (LNK), số tờ bản đồ 03, số thửa 2251; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01549 QSDĐ/gK cấp ngày 28/09/1999 có diện tích 5.625 m^2, mục đích sử dụng 1LN, số tờ bản đồ 03, số thửa 674, 743, 744, 884, 885 đều đứng tên Nguyễn Văn H, cùng tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh A để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 1.087.000đ *(một triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn đồng)* tiền án phí.

Quỹ tín dụng nhân dân N được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 449.000đ *(bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/009103 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Mỹ H phải hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân N số tiền 500.000đ *(một triệu ba trăm ngàn đồng)*.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.T;
- Chi cục THADS h. T;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ